

**CÔNG TY TNHH MTV CHĂM SÓC CON CÙNG VN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV CHĂM SÓC CON CÙNG VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110852575

**3. Ngày thành lập:** 02/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10A P7 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0776346300

Fax:

Email: *thegioiconcung55576@gmail.com* Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>-Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>-Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>-Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>-Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>-Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. | 4649        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4653        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 7.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hàng hóa nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690(Chính) |
| 8.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4741        |
| 9.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4742        |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                            | 4759        |
| 11. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4791        |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210        |
| 14. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5224        |
| 15. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 16. | Dịch vụ đóng gói<br>(trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8292        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHAN VĂN AN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 31/10/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034099000016

Ngày cấp: 07/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 10A P7 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10A P7 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN VĂN AN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/10/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034099000016

Ngày cấp: 07/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 10A P7 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10A P7 Đường Nguyễn An Ninh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội